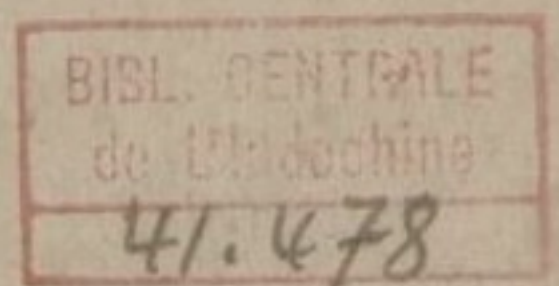


NAM-ÂM TRÍCH-LOẠI

Lời nói lược và chữ viết tắt.

1. — Loại chung, in chữ đứng đậm nét.
2. — Môn riêng, in chữ đứng nhỏ nét.
3. — Một câu kiêm có nhiều môn, đem vào đoạn “Phụ-lục”.
4. — Danh-từ đối nhau để làm tài-liệu, in chữ xiên, đem vào đoạn “Hợp-thái”.
5. — Các loại khác nhau, bởi số La-mã.
6. — Các môn khác nhau, bởi số A-rập.
7. — Văn trích-lục toàn văn xưa, văn dịch hoặc hợp-thái có văn nay.
8. — Thể văn khác nhau như ca, ngâm, thi, văn, từ, truyện vân, vân, dùng dấu. —
9. — Tục-ngữ l. ng.
10. — Ca-dao c. d.
11. — Câu-đối C. Đ.
12. — Thi th.
13. — Phú ph.
14. — Luận l.
15. — Tinh-nghĩa T. ngh.
16. — Văn-sách v. s.
17. — Văn lễ v. t.
18. — Văn xuôi v. x.
19. — Văn chơi v. ch.
20. — Truyện tr.
21. — Ngâm-khúc Ng. Kh.
22. — Cầm-khúc C. Kh.
23. — Từ-khúc T. Kh.
24. — Hát ả-đào h. a. đ.
25. — Hát nói h. n.
26. — Hát tuồng h. t.
27. — Hát xẩm h. x.



28. — Chữ hoặc danh-từ trong văn trích-lục làm được tài-liệu, in chữ xiên.
29. — Câu trích-lục chưa lộn nghĩa, có dấu
30. — Tiếng đọc hoặc chữ dùng khác nhau có dấu ()
31. — Văn trích-lục thuộc về lối nào như lục-bát, lục-bát gián-thất, tự-sự, tả-cảnh, bàng-thán, giả-đối, vãn, vãn, sách nào, của ai, dùng dấu ().
32. — Sách đã chú-thích có kê số trang và tên người pho bản.

MẤY LỜI NÓI ĐẦU

Nay chúng tôi thấy nền quốc-văn đương còn mới-mẻ, tài-liệu quốc-văn chưa được dồi-dào, mới nhân lúc công-dư, thẽ theo các lối “loại-lư” của Tàu và của Thái-Tây, làm ra các thứ sách Nam-âm, theo từng môn-loại mà trích lục các thẽ văn đời xưa và các văn dịch đời nay; mỗi quyển chép một loại, trong một loại đủ các thẽ văn, để cho bạn thanh-niên khi hành-văn có sẵn tài-liệu mà dùng.

Loại âm - nhạc

I. CHUÔNG TRỐNG

l. ng. — Trò nào trống ấy. Gắn chùa nghe chuông. Trống thùng còn tang (chang). Chuông kêu thử tiếng.

c. d. — Vác chuông đi đánh đất người, không kêu cũng đánh ba hồi lấy danh. Trống chùa ai đánh thi-thùng của chung, ai khéo vạy-vùng nên riêng.

C. Đ. — *Cửa sấm lễ (dám) đầu mang trống la (thùng thung trống); Đắt người nên phải vác chuông đi (bồng-bồng chuông). (Trang 77 quyển Nguyễn-công-Trừ của Lê-Thước).*

th. — Một đoàn trẻ ngọng rử xem chuông,
Cùng bảo nhau rằng ấy “ái uông”.

(*Lối thi hạn-văn, ông Nguyễn-Quỳnh vịnh cái chuông, hạn văn “uông”*).

Bé-mọn làm chi những thứ bồng,
Lớn-lao thế ấy ghẹo ai rung.
Đôi bên bằng-phẳng trời hai mặt,
Chính giữa tròn xoay nguyệt một vòng.
Hiên-bệ gió đưa dùi trắc-trắc,
Giang-sơn sấm dậy tiếng lũng-lũng.
Hướng chung đất nước đồ sang trọng,
Đáng-giá cho cao lại vẽ rồng.

(*Luật thi thất-ngôn vịnh trống đại-cổ, xem chú-thích trang 62 quyển Nguyễn-công-Trừ của Lê-Thước*).

v. t. — Ngọn còi giục-nguyệt, nơi tể nơi vui;
Tiếng (dịp) trống đồn-hoa, chốn tươi chốn ủ. . .

(*Lối văn tả cảnh sâu thăm trong bãi tể tương-sĩ của Nguyễn-văn-Thành*).

v. ch. — Ô hô! Đa trâu lang mĩ, tư-ký-thành bùng-bít chi-công;

Đám kị (bội) nhà (hội) chay, thượng-khắc-đồ thi-thùng chi-hiệu.

(*Lối văn chiếu-dụ về đoạn ô-hô “trống” của Hoàng-Phan-Thái*).

tr. — Bồng nghe trống giục chuông hồi,
Đêm khuya rừng rậm rưng rờ biết đâu.

(*Lối văn lục-bát tự-sự mẹ con bà Trần-thị chạy loạn, trong truyện Phan-Trần*).

Khi trống lán, lúc chuông đồn,
Tiếng chuông lần tiếng ru con tối ngày.

(*Lối văn tả cảnh bà Thi-Kinh nuôi con trai Thị-Mầu, trong truyện Quan-âm Thị-Kinh*).

Trống lâu vừa mới tan canh,
Kiệu hoa đã thấy Sơn-tinh chực ngoài.

(*Lối văn tự-sự Sơn-tinh giữ ước di sớm đề cưới con gái vua Hùng-Vương, trong Nam-sử diễn-ca*).

Ng. kh. Chuông cổ-tự điểm-hồi rộn giục,
Trống quan-thánh vừa lúc sưu-không.

.....;

.....

(Lối văn lục-bát-gián-thất về đoạn tả cảnh, trong bài tự-tình của Cao-bá-Nhạ).

.....,

.....;

Tăng đêm chuông động trong chùa,
Trống vang ngoài cửa, pháo đưa trên thành.

(Lối văn tả-cảnh đất khách tình nhà, trong Thu-dạ-lữ-hoài-ngâm của Đinh-nhật-Thận).

2. ĐÀN SÁO.

t. ng. — Sáo thổi đàn đôi. Đàn gảy tại trâu.

c. d. — Anh vỗ trống đất kêu vang, em thổi sáo trúc nhịp-nhàng với anh.

tr. — Có khi gảy khúc đàn tranh,
Nước non ngao-ngán ra tình hoài-xuân.

Cầu-hoàng tay lựa nên vần,
Tương-như lòng ấy, Vãn-quân lòng nào?

(Lối văn lục-bát tả cảnh gảy đàn tranh cầu duyên, trong truyện Bích-câu kỳ-ngộ).

Vui thay gặp khách tri-âm,
Xử-xang mấy khúc nguyệt-cầm nhật khoan.

Dặt-diu lưu-thủy cao-san,
Mùi hương thơm ngát, bạc đàn trong veo.

Lại e dạ đắm tình xiêu,
Nhớ ai trên vách còn treo vô-huyền.

(Lối văn tả cảnh phong-lưu xác, trong truyện Bất-phong-lưu của Lý-văn-Phức).

Ngâm câu Việt-khách thở than,
Dừng chèo lại nhớ khúc đàn Tương-ngà.

Thu-nương tiếng đã đồn xa,
Bạc đầu đóng cửa dưới hoa một mình.

Rước mời nhà chủ hậu tình,
Nề lòng nàng phải lựa vành cung-thương.

Dở say dừng chuốc chén vàng,
Lặng ngồi khách hỏi nghe nàng dạo qua.

Bốn dây to nhỏ châu sa,
Thoắt như trời đổ một và hạt mưa.

Lạnh nghe hạc nói năm xưa,
Thắm nghe Thục-đế khóc đưa xuân về.

Muồng sen giọt nước đầy ve,
Thú vàng lửa đốt khói che hơi trầm.

Gió mai bờ quanh ve ngâm,
Còn phoir bông trắng, lau đầm mùi sương.

Dời cung, dời vũ khác thường,
Trống Tuyên, vạc Vũ, chầu Thang, giọng kỳ.

(Văn tả khúc đàn tống biệt, trong truyện Nam-cầm của
Hương-Sâm dịch nguyên-văn của đức Tuy-lý-Vương).

Này ông quốc-thức Triều ta,
Đặt ra đàn ấy hiệu là Cầm-Nam;

Tre loan thay tiếng tơ lằm,
Đem niềm phú-quí đổi làm thần-liên.

(Lời văn tự-sự đức Luân-quốc-công chế khúc Nam-cầm).

Kề chi những việc ăn-chơi,
Một nghề ca-nhạc nửa đời lưu-tâm,

Đàn ra, phượng liệng theo cầm,
Viết rồi, anh-vũ học ngâm lời đảo.

Thi thược-dược, phở bồ-đào,
Khúc nào chẳng đặt, tuồng nào chẳng hay.

Tiệc quỳnh ca-ôu liên ngày,
Xe thêu người tới, bụi bay lấp đường.

Gảy tranh bạn nhỏ hồng-trang,
Lựa con hát gái Bình-dương những ngày.

Diễn thơ Nhạc-phủ mấy bài,
Đẹp nghề phòng-lão, dạy vai mặc-sầu.

Mắc gièm từ đó về sau,
Tóc thương bạc ngấn, hát châu vàng quăng.

Tuổi già nghề vẫn quá chừng,
Đặng mùi thanh-lặng còn ưng đàn này.

Nghê-thường chẳng kể là hay,
Mà thiên Bích-ngọc đến rày còn ghi....

(Lời văn tự-sự đức Luân-quốc-công ăn chơi đủ nghề, trong
truyện Nam-cầm).

Ngon đàn truyền đó ấy ai?
Quảng-lãng nổi bực có người hầu yêu.

Vợ chồng một khúc học theo,
Truyền quanh trong cõi, ai đều mắng danh.

Phong-lưu gái lịch trai thanh.
Đủ mùi ăn mặc, phỉ tình vui chơi.
Họa văn ngón kíp phẩm lời,
Sắp bài cự-khúc, ruồi lời tân-thanh.

(Lối văn tự-sự đức Luân-quốc-công dạy nghề đàn cho cô hầu yếu, trong truyện Nam-cầm).

Nhà từ vắng khách mắt xanh,
Son gìn tấc dạ, bạc oanh mái đầu.
Lông son tóc bạc thề sâu,
Tri-âm còn đợi kiếp sau cùng đàn.

Tuyền-đài ch[?] dứt trục lan,
Hoa bay trâm gãy, hồng-nhan quá thi....

(Lối văn tự-tình người đàn bà hay đàn vì chồng mất mà thôi đàn, trong truyện Nam-cầm).

Ly-loan tiếng nhấn vào dây,
Tâm-thường chẳng gây khúc này với ai.
Nam-cầm xin chép một bài,
Đầu thành tiếng ác đêm dài chưa khuya.

(Lối văn thúc-kiết, trong truyện Nam-cầm.)

Cung đàn tiếng địch xa xa,
Vui về non Tân, oán ra bể lặn.

(Lối văn tả-cảnh lúc Sơn-tinh đi được trước Thủy-tinh mà nói con gái Hùng-vương về, trong Nam-sử diễn-ca).

Thói nhà bài-hước đã quen,
Tiếng hòa nhịp-phách, hát chen cung đàn.

(Lối văn tự-sự Dương-nhật-Lễ là con nhà trò đời nhà Trần, trong Nam-sử diễn-ca).

« Sắt cầm duyên những ước ao,
« Lợm công-trình kẻ biết bao công-trình !
« Vô-tình thay, khéo vô-tình !
« Nỡ đem lòng bạc mà khinh nghĩa vàng... »

(Lối văn thuật lời Ngụy-Soạn-Chi tự trách duyên phận, trong truyện Nữ-tú-tài).

Cung-thương lâu bực ngũ-âm,
Nghề riêng ăn đứt Hồ-cầm một trương.

Khúc-nhà tay lựa nên chương,
Một thiên *bạc-mệnh* lại càng nào nhân.

(Lối văn tự-sự nàng *Kiều* rành nghề hồ-cầm, trong truyện *Kiều* của *Nguyễn-Du*).

Rằng : « Nghe nổi tiếng *cầm-dài*,
« Nước non luống những lắng tai *Chung-kỳ* ».

Thưa rằng : « *Tiên-ky* sá chi,
Đã lòng dạy đến, dạy thì xin vàng ».

Hiên sau treo sẵn *cầm-trắng*,
Vội-vàng sinh đã tay nung ngang mây.

Nàng rằng : « Nghề mọn riêng tay,
« Làm chi cho nặng lòng này lắm thân ! ».

So lần dây vũ dây văn,
Bốn dây to nhỏ theo vần cung-thương.

Khúc đầu *Hán Sở* chiến trường,
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng xen nhau.

Khúc đầu *Tư-mã* phượng-cầu,
Nghe ra như oán như sầu phải chẳng.

Kê-khang này khúc *Quảng-lãng*,
Một rằng lưu-thủy, hai rằng hành-vân.

Quá-quan này khúc *Chiêu-quân*,
Nửa phần *luyến-chúa*, nửa phần *tư-gia*.

Trong như tiếng *hạc* bay qua,
Đục như nước suối mới sa nửa vơi.

Tiếng *khoan* như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa.

Ngon đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi đó mà *ngơ-ngân* sầu.

Khi tựa gối, khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày.

Rằng : « Hay thì thật là hay,
« Nghe ra *ngậm đắng nuốt cay* thế nào !

Lựa chi những *bực tiêu-tao*,
« *thiệt* lòng mình cũng nao-nao lòng người ».

Rằng : « Quen mặt nết đi rồi,
« Tẻ vui thôi cũng tính trời biết sao !

« *Lời vàng vâng lĩnh* (lãnh) ý *eao*,
« *Họa dần dần* bớt chút nào được không ? »

(Lối văn tả cảnh nàng *Kiều* gảy đàn nguyệt cho *Kim-trọng* nghe và thuật lời hai người trò chuyện cùng nhau, xem trang 36-38 quyển *Kiều-truyện* dẫn-giải của *Hồ-dắc-Hàm*).

« Mặt người còn chút của tin,
« *Phiếm đàn* với mảnh hương nguyên ngày xưa.

« Mai sau đâu có bao giờ,
« Đốt lò hương ấy, so tơ *phiếm* này....»

(Lối văn thuật lời nàng *Kiều* dặn nàng *Vân* nói về duyên-kiếp ngày sau, trong truyện *Kiều*.)

Phải đêm êm-ả chiều trời,
Trúc tơ hồi đến nghề chơi mọi ngày;
Lĩnh lời nàng mới lựa dây,
Nỉ-non thanh-thót dễ say lòng người.

(Lối văn tự-sự kiêm tả-cảnh nàng *Kiều* gảy đàn cùng *Hoạn-thư*).

Rằng : « *Hoa-nô* đủ mọi tài,
« *Bản* đàn thử dạo một bài chàng nghe. »

Nàng càng choáng-váng tê-mê,
Vàng lời ra trước bình the vắn đàn.

Bốn dây như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng.

Cũng trong một tiếng tơ đồng,
Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm.

Giọt châu lả-chả khôn cầm,
Cúi đầu chàng những gạt thắm giọt sương.

Tiểu-thư nghe lại thét nàng :
« *Cuộc* vui gảy khúc *đoạn-trường* ấy chi ?
« Sao chẳng biết ý-tử gì,
“Cho chàng buồn-bã tội thì tại người.”

(Lối văn thuật lời *Hoạn-thư* bắt nàng *Kiều* gảy đàn và tả-cảnh *Thúc-sinh* nghe đàn buồn-bã, trong truyện *Kiều*).

Trong quân mở tiệc hạ-công,
Xôn-xao tơ-trúc, hội-đồng quân-quan.

Bắt nàng thị yến dưới màn,
Dở say lại ép cung đàn nhật tâu.

Một cung gió thấm mưa sầu,
Bốn dây nhỏ (dỏ) máu năm đầu ngón tay.

Ve kêu, vượn hót nào tày (tày),
Lọt tai Hồ cũng nhận mây, rơi châu.

Hỏi rằng : “Này khúc ở đâu ?
Nghe ra muôn thắm nghìn sầu lắm thay !”

Thưa rằng : *Bạc-mệnh* khúc này,
“*Phở* (phả) vào đàn ấy những ngày còn thơ.

“Cung-cầm lửa những ngày xưa,
“Mà gương bạc-mệnh bây giờ là đây.

Nghe càng đắm đắm càng say,
Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình.

Dạy rằng: “Hương lửa ba sinh,
“Dây loan xin nối cầm lành cho ai.”

Thưa rằng: “Chút phận lạc loài,
“Trong mình nghĩ đã có người thác oan.

“Còn chi nữa cánh hoa làn,
“Tơ lòng đã đứt dây đàn *Tiểu-lân*.
“Rộng thương còn mảnh hồng-quần,
“Hơi tàn được thấy gốc phận là may.”

(Lối văn tả-cảnh nàng Kiều gảy đàn cho Hồ-tôn-Hiến nghe và thuật lời hai người trò chuyện cùng nhau, xem trang 186 — 187 quyển *Kiều-truyện dân-giải của Hồ-dắc-Hàm*).

Nỗi nàng nhớ đến bao giờ,
Tuôn châu đòi trận, vò tơ trăm vòng.
Có khi vắng-vẻ thư-phòng,
Đốt lò hương, giờ *phiếm-dồng* ngày xưa.
Bể-bai rủ-rủ tiếng tơ,
Trăm bay lạt (nhặt) khói, gió đưa lay rèm.

(Lối văn tả-cảnh nàng Văn nhớ nàng Kiều mà đốt hương vãn đàn, trong truyện *Kiều*).

Cầm-đường ngày tháng thanh-nhàn,
Sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn *tiêu-dao*.

(Lối văn tả-cảnh Kim-trọng bỏ làm tri-huyện, trong truyện *Kiều*).

“Thề xưa đã lỗi muôn vãn,
“Mảnh hương còn đó, *phiếm* đàn còn đây.
“Đàn cầm khéo ngăn-ngờ dây,
“Lửa hương biết có kiếp này nữa thôi.”

(Lối văn thuật lời Kim-trọng tự than duyên mình đã chịu dở dang với nàng Kiều, trong truyện *Kiều*).

Tình xưa lai-láng khôn hàn,
Thung-dung lại hỏi ngọn đàn ngày xưa.
Nàng rằng: “Vi mấy đường tơ,
“Làm người cho đến bây giờ mới thôi.

“Ăn-năn thời sự đã rồi,
“Nề lòng người cũ vâng lời một phen”.
Phiếm đàn diu-dặt tay liên,
Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa,
Khúc đầu đượm ả dương-hòa,
Ấy là hồ-diệp hay là Trang-sinh,
Khúc đầu êm-ái xuân-tình,
Ấy hồn Trục-để hay mình đồ-quyên.
Trong sao, châu rõ ghềnh (doanh) quyền!
Ảm sao, hạt ngọc Lam-diễn mới đông!
Lọt tai nghe suốt năm cung,
Tiếng nào là chẳng náo-nùng xòn-xao!
Chàng rằng: “Phồ ấy tay nào?
“Xưa sao sầu thảm nay sao vui vầy?
“Tê vui bởi tại lòng này,
« Hay là khờ-lặn đến ngày cam-lai?”
Nàng rằng: « Vi chút nghề chơi,
« Đoạn-trường tiếng ấy hai người bấy lâu.
« Một phen tri-kỷ cùng nhau,
« Cuốn dây từ đây về sau cũng chừa.»

(Lối văn tả cảnh nàng Kiều tái ngộ chàng Kim mà nàng lại vắn đàn cho chàng nghe và thuật lại hai người trò chuyện cùng nhau, xem trang 229-230 quyển Kiều truyện dẫn-giải của Hồ-đắc-Hàm).

Phượng-cầu đầu lựa nên cung,
Ngón cầm biết gảy được lòng hay chẳng?

(Lối văn tả tình Lương-sinh ước gặp Giao-tiên, trong truyện Hoa-tiên).

Năm canh cung nguyệt lựa dần,
Năm lần thương nhớ, năm lần thổ thán.

(Lối văn tả tình Lương-sinh cách biệt Giao-tiên, trong truyện Hoa-tiên.)

Ng. Kh. — ;

. ;

Sắc cầm gương gảy ngón đàn,
Dây uyên kinh đứt, phiếm loan ngại trùng.

(Lối văn lục-bát gián thất tả cảnh kiêu tả tình đàn-bà ở nhà nhớ chồng, xem trang 46-48 quyển Chinh-phụ-ngâm dẫn-giải của Nguyễn-dỗ-Mục.)

Gảy khúc phượng (tiếng thanh-thót) cung đàn thúy-dịch,
Thồi hơi kim (giọng nĩ-non) ngọn địch đàn-tri ;

Càng đàn càng địch càng mê,
Càng gay-gắt điệu càng tè-tái lòng.

(Lối văn tả cung-phi được vua yêu giấu, trong cung oán
ngâm khúc của ôn-như hầu.)

Cầm điểm nguyệt phỏng tầm Tư-mã,
Sáo lâu thu là gã Tiêu-lang.

Dẫu mà tay múa miệng dương,
Thiên-tiên cũng ngành nghề-thường trong trắng.

(Lối văn tự-sự một người đủ nghề dịch đàn múa hát, xem
trang 14-15 quyển Cung-oán ngâm-khúc dân giải của Đinh-xuân-Hội.)

h. n. — Đầu cảnh một con người vừa nhấp,
Nghe xôn-xao đã khắp tây-nam ;

Nhân-nhân tại-xứ tức tranh-đám,
Bất-thần-tĩnh nhẩy ôm đàn gảy.

Gảy đến khúc Chiêu-quân-xuất-lải,
Họ-xừ-xàng đã phải đầu tay ;

Đàn không hay hay gảy là hay,
Làng ngư nọ gieo đầy nghe khúc.

Ngửa mặt thấy một đàn nhi-nhục,
Miệng họa đàn tiếng trọc tiếng thanh ;

Bồng đầu trời đã hai canh

(Lối văn tự-sự kiểm tả-cảnh trong bài phú Ngũ-canh, tương-
truyền của tiến-sĩ Nguyễn-Phùng).

h. a. đ. — Cũng người hải-giác thiên-nha,
Cùng nhau gặp gỡ lạ là người quen.

Tầm-dương giang - đầu dạ tống-khách,
Bóng trắng thu thấp-thoảng trên thuyền.

Tiếng tỳ-bà ai khéo gảy nên !

Xui lòng khách thiên-nha (biên) luống những !

Ai-oán nhẽ, bốn dây vắng-vắng !

Như bất-tình, như khắp, như tổ, như oán, như-mộ (than).

Nức cười thay cái phận hồng-nhan,

Nào những khách ngũ-lãng (du-quan) đâu vắng tả !

Yên-thủy mang-mang thiên ngũ dạ,

Tỳ-bà khúc-khúc nguyệt tam canh,

Bến Tầm-dương cảnh ấy biết bao tình,
Chiếc thuyền luống đi về trong bóng nguyệt.

Người viễn-thú biết chẳng chẳng biết?
Khúc đàn này biết gảy cùng ai?

Giang-đầu hạnh hữu khách lai.

(Lỗi văn tả-cảnh kiêm - tả tình trong bài vịnh ty-bà, xem trang 123 quyển Nguyễn-công-Trứ của Lê-Thước).

h. t. — Trọng viết : (này,) Nghe những già tay âm-luật, nghề riêng nổi tiếng hồ-cầm ; Bá-nha đã gặp khách tri-âm, Chu-Du cũng ưng lòng cổ-khúc (đó ma). Kiều viết : (Dạ, thưa tình-nhân), Sá chi nghề tục, cho nặng lòng tiên, bốn dây theo ngón thuyền-quyên ; một khúc lắng tai quân-tử (a). Phả cầm viết : (ư, ư, ư, ư), nhân sinh chi khổ mạc nhược thuyền-quyên ; (thuyền-quyên, thuyền-quyên) thuyền-quyên chi khổ, mạc nhược vô duyên, (vô duyên, vô duyên) niên niên tức trái, xư xư tiền khiên ; (tiền khiên, tiền khiên) tiền khiên vị đoạn, thân danh nan tuyền ; nan tuyền phá cánh, không thương đoạn huyền ; đoạn huyền tái tục, ta hữu thủy liên ; (thủy liên, thủy liên) thủy liên bạc mệnh, du-du thương-thiên ; (thương-thiên thương-thiên) thương-thiên hà xứ, phản đồ thuyền-quyên ! Trọng viết : (hay a) ngón nhỏ to Tư-mã khá khen, (còn) giọng cao thấp Bá-nha dễ ví.....

(Lỗi văn đối đáp, trong Thủy-Kiều diễn-truyện).

3. — PHỤ - LỤC

t. ng. — Trống hèn hèn kèn vắt vơ, trống ngân ngơ kèn lơ-lững.

c. d. — Ai ơi đặng (được) trống phụ kèn, đặng chuông phụ mõ, đặng đèn phụ trắng.

c. đ. — Bàu một chiếc lẩn-chiêng, mặc sức tam-dương khai thái ;

Nhà hai gian bỏ-trống, tha-hồ ngũ-phúc lâm môn.

(Lỗi văn giả-đối mượn tiếng “chiêng” và “trống” đối nhau để tả-cảnh ngày tết của một nhà hàn-nho).

Tiền bạc của trời (giời) chung, trống-trải thế, mới lọt vòng khuyên-sáo ;

Công-danh đường đất rộng, kèn-cửa chi, cho bạn chí lang bông.

(Lỗi văn giả-đối kiêm bâng-thẩn dùng tiếng “trống”, “sáo”, “kèn” và “bông” đi sóng với nhau để tả cảnh nghèo).

th. — Khen cho cả tiếng lại dài hơi,
Làng nước suy bầu chẳng phải chơi.
Mộc-dạc vang-lừng trong bốn cõi,
Kim-thanh chuyển động khắp đời nơi.
Gần xa chồn chồn đều nghe lệnh,
Già trẻ ai ai cũng cứ lời (nhời).
Trên dưới quyền hành tay xếp đặt,
Một mình một cổ mặc dầu xơi.

(Lời văn “điềm-thiết-thành-kim” tả một thẳng seo đánh mõ rao làng, trong truyện của Lê-Thánh-tôn).

tr. — Tiều đầu rủ phụng véo-von,
Một xoang như gọi nước non mấy niềm.

(Lời văn tả cảnh Giao-tiên chơi trống trước đình ở gần bên vườn Lương-sinh, trong truyện Hoa-tiên).

Chuông rền, mõ ruổi, khánh lay,
Thông già điềm trống, trúc gầy khua sinh.

(Lời văn tả-chân kiếm thí-dụ cảnh chùa cô họ Phan đi tu, trong truyện Phan-Trần).

Có khi ngồi suốt năm canh,
Mõ quyền điềm nguyệt, chuông kinh nện sương.

(Lời văn tả cảnh kiếm tả-linh Trần-tú-Uyên đương lúc đêm khuya nhớ đến tình-nhân, trong truyện Bích-câu kỳ-ngộ).

Ca quyền ghẹo, làm rơi nước mắt,
Trống tiêu khua, như thất buồng gan.

.
.

(Lời văn lục-bát gián-thất tả cảnh kiếm tả tình đàn bà nhớ chồng, trong Chinh-phụ ngâm-khúc).

4. HỢP THÁI.

CẦM

Một trương; Năm tiếng. — Gõ đồng; Dây tơ. —

Sáu trụ (Đời Tống chế thứ đàn cầm có sáu trụ); Bảy dây (Vua Thuấn chế thứ đàn cầm năm dây, đến đời Chu vua Văn vua Vũ lại thêm hai dây nữa thành ra bảy dây). —

Lựa phẩm; So dây. — *Ngựa nghe* (ông Bá-nha gảy đàn cầm, có sáu con ngựa ngưỡng lại đứng nghe); *Hạc mùa* (ông Sư-khoáng gảy đàn cầm, có con chim hạc ngậm hạt châu mùa ở giữa sân, mùa mãi rơi mất hạt châu). — *Tên Hạ-nhược* (ông Hạ-nhược-Bật đời Đường chế thứ đàn cầm rất hay, vua Tuyên-tôn ban tên cho đàn ấy gọi là Hạ-nhược); *Già Kê-khang* (ông Kê-Khang đời Tấn bán hết sản-nghiệp ở đất Đông-dương mới mua được một trương đàn cầm). — *Khúc cầu-hoàng* (ông Tư-mã Tương-như đời Hán nghe nàng Trác-văn-quân sắc đẹp mới gảy khúc “phượng-cầu hoàng” để ghẹo nàng ấy); *Dẫn tàu-mã* (Người Mục-Cung giết người đề báo thù cho cha, trốn vào ở trong núi; đương lúc đêm khuya có con ngựa trời hiện xuống kêu thét, người Cung chạy vào trong chằm, gảy đàn cầm làm tiếng ngựa hí, nhân đó đặt tên dẫn gọi là tàu-mã). — *Thú Nguyên-lạng* (ông Đào-Tiêm đời Tấn treo một trương đàn cầm suông không có dây, thường vẫn nói rằng: “chỉ biết thú đàn là được, há-tất gảy làm gì); *Tình Bá-nha* (ông Bá-nha học gảy đàn cầm với ông Thành-Liên đến ba năm mà không thành nghề; ông Liên mới đem ông Nha đến núi Bồng-lai là chỗ không có người, chỉ thấy nước dưới bề và chim trên núi để đời đời hẳn cái tục-tình đi thời nghề đàn mới hay). — *Củ đồng cháy đuôi* (ông Thái-Ung thấy một nhà ở đất Ngô nấu củi đồng cháy nghe tiếng rẹt, biết là thứ gỗ tốt làm được đàn cầm, mới xin đem về làm đàn thời cái đuôi đã cháy mất một khúc, nhân gọi là đàn cháy đuôi); *Thuyền chài nghe khúc* (Đức Khổng dạy học ở trên Hạnh-đàn, thầy gảy đàn cầm, trò đọc sách, có một người chài dừng thuyền mà nghe, đức Khổng khen là Thánh-nhân). — *Gió nam trời Thuấn* (Vua Thuấn gảy đàn cầm, hát thơ gió nam nói gió thồi làm cho giàu thêm của-cải và giải bớt phiền-muộn của dân); *hạc già năm Nghiêu* (Trong khúc Nam-cầm nguyên văn của đấng Tuy-lý-vương có nói tiếng đàn nghe lạnh như chim hạc già kêu từ năm xưa). — *Núi cao nước chảy, tai lắng Chung-Kỳ* (ông Bá-nha gảy đàn cầm, chỉ ở núi cao thời Chung-tử-Kỳ nghe mà nói: “Ngút ngút như núi cao”; lúc Bá-nha chỉ ở nước chảy thời Tử-Kỳ lại nói: vo vo như nước chảy. Sau Tử-Kỳ mất, Bá-nha không gảy đàn nữa); *Đêm nguyệt dăm trường, lòng say Tư-mã* (Tương-như ở đêm tại nhà Trác-vương-tôn, gảy đàn lấy cầm-tâm để ghẹo Văn-quân, Văn-quân say mê quá chừng; đương lúc đêm trăng trốn chạy mà đi theo Tương-như).

SẮT

Trụ ngọc; dây vàng. — Năm dây (ông Chu-Tương chế thứ đàn sắt năm dây); *bảy thước* (Vua Hoàng-đế chế thứ đàn sắt cần dài bảy thước). — *Dâu hạ* (mùa hạ lấy gỗ dâu làm cần đàn sắt); *hoè đông* (mùa đông lấy gỗ cây hoè làm cần đàn sắt). — *Cá nghe* (ông Biều-ba gảy đàn sắt, các con cá lắng tai mà nghe); *Phượng múa* (người họ Triệu gảy đàn sắt, chim phượng đứng múa). — *Giấc Trang hồn bướm* (ông Lý-Thương-An vịnh đàn sắt cho tiếng đàn tiêu-dao như Trang-sinh nằm giấc buổi mai và thấy mình hóa ra con bướm); *Lòng Thục liếng quyền* (ông Lý-thương-An cho tiếng đàn náo nùng như lòng xuân vua nước Thục đã hóa ra chim cuốc mà kêu luôn thảng hè). — *Khói sinh ruộng ngọc* (ông Lý-thương-An cho tiếng đàn sắt đượm ấm như mặt trời chiếu xuống ruộng Lam mà hạt ngọc sinh hơi); *Trắng sáng ghềnh châu* (ông Lý-thương-An cho tiếng đàn sắt trong veo như mặt trăng chiếu xuống bể xanh mà hạt châu thành ra như ươm nước mắt).

TRANH

Tiếng Tàn (ông Dương-Vân người ở đất Tàn biết đàn tranh, cho đàn tranh là tiếng nhạc của Tàn); *Nhạc Tống* (đời Tống chế thứ đàn tranh mười ba dây, cho làm một thứ âm nhạc). — *Tay nói* (ông Lý-Bạch cho gảy đàn tranh là dùng tay mà nói); *Móng kêu* (ông Bạch-cư-Dị cho gảy đàn tranh là móng tay biết kêu). — *Có trước có sau; Chẳng khoan chẳng chông.* — *Véo-von giọng suối* (ông Tô-đồng-Pha gảy thứ đàn mười ba dây ở sông Ngô-tùng mà nghe ra có tiếng hay, mới khen đàn tranh có giọng trong suốt như nước suối chảy); *Điu dặt tay tiên* (bài thơ người xưa vịnh đàn tranh ông Tiết-Quỳnh có câu: « Bình-sinh chẳng muốn gì, muốn làm cái đàn tranh; gần được tay người ngọc, trên quần thả giọng thanh. — *Hăm-tám vành trắng, bóng thiềm khuyết nửa* (thùng đàn tranh nằm úp hình như nửa mặt trăng hạ-huyền về đêm hăm-tám); *Mười ba dây trụ, hàng nhận bay xiên* (đàn tranh ngày xưa làm mười ba dây, ngày nay cũng có thứ đàn mười sáu dây, liệt ra dây trước dây sau có thứ tự như hàng chim nhận bay, nhưng vì trụ sắp cao thấp khác nhau, nên hàng nhận thành ra xiên đi).

TỶ-BÀ

Nắn đất (đời xưa người ta được trong mồ ông Nguyễn-Hàm một miếng ngói hình như trống đàn, tục cho là

ông ấy nắn đất chế ra đàn tỳ-bà); *Đúc đồng* (đời Tấn, ông Nguyễn Hàm gảy đàn tỳ-bà rất hay, cũng có đúc đàn ấy bằng đồng). — *Quế son* (Thành-công-Tuy lấy cây quế đỏ làm đàn tỳ-bà); *Đồng trắng* (ông Tôn-Cai lấy gỗ đồng trắng làm đàn tỳ-bà). — *Da-rắn* (mặt đàn bung bằng da rắn, da trặc hay là kỳ-đà); *Đầu rồng* (đời Đường có thứ đàn tỳ-bà đầu cần chạm đầu con rồng). — *Giọng qua mây* (đời Đường, Bạch-tú-Chính đem thứ đàn tỳ-bà nước Thục về hiến cho Quý-phi hễ gảy đến thời tiếng kêu thanh-thót, qua mây từng mây); *Tiếng xé lụa* (tỳ-bà hành khen thứ đàn ấy bốn dây kêu luôn một tiếng nghe như tiếng xé miếng lụa). — *Tầm-dương đưa khách* (người xưa gảy đàn tỳ-bà đưa khách đêm khuya đến bến Tầm-dương); *Chiêu-quân nhớ nhà* (vua Hán gả Chiêu-quân cho vua rợ Hồ, khi đi đường nhớ nhà, bảo người cưỡi ngựa gảy đàn tỳ-bà để làm cho khuây). — *Quý họa ngoài song, khua vang mõ trúc* (xưa Lý-Khiêm gảy đàn tỳ-bà rất hay, đêm nào cũng có tên quý ở ngoài cửa sổ gõ mõ trúc mà họa lại); *Vua ca trên điện, chuốc cạn chén đào* (Phạm-Việt hay đàn tỳ-bà, mỗi khi vua Tống uống rượu ăn tiệc, vua hát trước bảo Việt gảy đàn họa theo).

ỐNG TIÊU

Kết trúc (vua Thuấn chế ra thứ tiêu làm bằng ống trúc); *Đại ngà* (ống tiêu thường lấy trúc kết lại mà cái đại bằng ngà). — *Bảy âm* (ống tiêu kết lại như cánh chim phụng, chim phụng thuộc về hành hỏa số bảy, nên dùng bảy ống bảy tiếng); *Chín lớp* (đời vua Thuấn chế nhạc tiêu-thiệu có chín lớp). — *Vườn Kế* (đời Hậu-Hán, Kế-tử-Huấn bỏ nhà đi tu tiên, ngày sau có người tìm được trong vườn ông ấy một ống ngọc tiêu); *Mồ Trương* (đời Xuân-thu, có người đào trộm mồ Trương-Tuấn thấy nhan sắc còn như người sống, tìm được hai ống ngọc tiêu). — *Vỗ bụng chợ Ngô* (ông Ngũ-tử-Tư vỗ bụng thỗi ống tiêu mà đi ăn xin ở giữa chợ Ngô); *Hở môi cung Việt* (vua Việt ham nghe ống tiêu, có người nhà quê mím môi nhọn mép thỗi tiêu rất hay, vua cũng cho được vào cung). — *Lâu Tần thanh-thót, phụng rử lên tiên* (đời vua Tần Mục-vương, Tiêu-sử thỗi ống tiêu rất hay, con gái vua Tần là nàng Lộng-ngọc cũng ham thỗi tiêu; vua mới dựng một lầu cao, bảo Tiêu-sử dạy Lộng-ngọc thỗi, làm tiếng phụng kêu, một ngày kia chim phụng bay đến, hai người theo phụng lên tiên); *Vườn Lãng tiêu-dao; hạc bay làm bạn* (ông Vương-tử-Tấn đi tu thành tiên, thường cỡi chim hạc thỗi tiêu đi lại tiêu dao trong động tiên).

ỔNG ĐỊCH

Luật kinh (ngày xưa ống địch chỉ có bốn lỗ, ông Kinh-phong chế thêm một lỗ đời làm âm-luật mới); *Điều Liệt* (ông Liệt-Hòa chế ống địch theo âm-nhạc đời Tấn có điệu trong đục khác nhau). — *Bể liễu* (tên một khúc thời địch); *Rung mai* (tên một khúc thời địch). — *Rui Kha-Đình* (ông Thái-Ung tránh loạn, trọ ở Giang-nam, nằm ở quán Kha-đình thấy có rui tre rất tốt, lấy làm ống địch thời hay lắm); *Tre Vân-mộng* (ông Trần-ty-Vương đón tre Vân-mộng để làm ống địch). — *Tai Hường-tử* (ông Hường-Tú đi chơi xa, ở nhà trọ có người láng giềng thời địch, Tú nghe tiếng địch sinh lòng nhớ nhà); *Miêng Văn-Uyên* (ông Mã-viên đi đánh Giao-chỉ, dọc đường bảo Viên-ký-Sinh thời địch, ông hát họa lại để làm cho khuấy). — *Cánh-hồ trắng soi, nước phun rồng cá* (đời Đường có ông Lý-mô thời địch rất hay, đêm trăng chơi thuyền ở Cánh-hồ, mang ống địch đi theo. Bỗng chốc có người tới xin thời địch, thối một hồi mà các loài rồng cá quanh lại bên thuyền để nghe); *Động-đình sóng dậy, non động chim muông* (ông Lữ-quân-khanh ban đêm chơi thuyền ở hồ Động-đình, thời địch vài khúc; bỗng chốc thấy một ông già đến nơi, mang theo ba thứ ống địch, Quân-khanh xin ông ấy thối, mới thối năm sáu tiếng mà chim muông trên núi kêu rầm lên, ai cũng kinh sợ).

CHUÔNG

Hai môi (đời Chu, Phù-thị đúc chuông hai bên roe ra có hai môi); *Chín vũ* (chuông ở bên Tàu thường làm chín vũ để tượng chín châu). — *Lốt cộp* (bên chuông chạm các vân vẽ như lốt cộp thủ nghĩa cộp găm dùng lúc đánh trận); *Chày kinh* (ở bề có con bò-lao thường sợ cá kinh, hễ khi nào cá kinh đánh đuổi bò-lao thời bò-lao kêu rống lên. Nên muốn cho chuông kêu tiếng to, đầu chuông chạm hình bò-lao mà dùi đánh chuông lại làm hình cá kinh). — *Nện sương* (ngày xưa có cái chuông ở Phong-sơn hễ đêm sương xuống thì chuông tự nhiên kêu lên); *Lở núi* (đời Hán-Võ-đế, có cái chuông trước cung vua tự-nhiên kêu lên ba ngày ba đêm; vua đem hỏi Đông-phương-Sóc, Sóc thưa: Loài đồng bởi đất sinh ra, mẹ con cảm ứng cùng nhau, chuông kêu có lẽ vì núi sắp lở. Quả-nhiên sau quan thái-thủ tàu ở đất Thục có hòn núi lở). — *Nhớ công vô* (chuông dùng trong lúc đánh giặc, nên nghe tiếng chuông nhớ đến công quan vô); *Trọng đức văn* (vua Xuyên-húc xét người

lôi nào có đức văn thời ban cho chuông khánh). — *Nhỏ kêu lớn kêu* (trong kinh Lễ có nói phàm đánh chuông đánh lớn thời kêu lớn, đánh nhỏ thời kêu nhỏ); *Ăn đánh uống đánh* (tục Tàu nhà sang trọng khi ăn cơm hoặc khi uống rượu rung chuông để mời khách). — *Bên chùa Thiên-mụ, gió trúc là đà* (chùa Thiên-mụ ở phía Tây-bắc kinh-thành Huế, có cái chuông rất to. Câu ca-dao: “Gió đưa cành trúc là đà, tiếng chuông Thiên-mụ, canh gà Thọ-xương, tả cảnh đêm thanh ở chốn Thần-Kinh); *Đáy nước Tây-hồ, trâu vàng bịn rịn* (tục truyền đời Lý, nhà sư Nguyễn-minh-Không tục hiệu Không-lồ qua nước Tàu xin vua Tàu một đày đồng để đúc chuông, vua chỉ vào kho đồng đen, sư lấy hết cả kho đồng mà không đầy đày. Lúc về đến Thăng-long, sư lấy đồng ấy đúc một cái chuông, đúc xong đánh thử một hồi, con trâu bằng vàng trước đền vua Tàu cũng bỏ đi theo dòng Kim-giang mà sang cõi Nam; đi đến Tây-hồ nghe tiếng chuông dứt thời ở lại đấy. Vua Tàu sai sứ qua chùa để lấy chuông về, vì sợ chuông lại mà đêm nào tụng kinh cũng đánh luôn thời các kim-khí bên Tàu thu về Nam hết. Lúc sứ sang, nhà-sư không cho đem về, cầm chuông ném xuống sông Lục-đầu, chuông chìm xuống đáy nước, không có ai kéo lên được nữa. Nhân đó con trâu vàng, cũng đi theo chuông mà núp ở dưới hồ luôn.

MỒ

Hình cá (cái mõ ở chùa thường làm hình con cá); *Lưỡi vàng* (cái mõ ở lầu canh thường làm lưỡi vàng). — *Hòa chuông* (đời Hậu-Chu, trong chùa dùng mõ để hòa tiếng chuông khi tụng kinh); *Theo trống* (đời Chu, chức cò-nhân dùng mõ để theo nhịp trống). — *Dấy văn dấy võ* (cái mõ có lưỡi bằng gỗ dùng về việc văn, cái mõ có lưỡi bằng vàng dùng về việc võ); *Rao nội rao triều* (đánh mõ ngoài dân để rao việc làng; đánh mõ trong triều để rao việc nước).

KHÁNH

Vũ treo (vua Vũ treo cái khánh ở cửa, rao khắp bốn phương ai có thấy điều gì đáng lo sợ thời gõ khánh tâu vua); *Không đánh* (đức Không đánh khánh ở nước Vệ, có người đi qua cửa nghe mà khen ngài đánh khánh là hữu-tâm). — *Vàng bên Tứ* (ở sông Tứ bên Tàu có thứ đá nổi lên làm được khánh, người ta cho làm quý như vàng nổi trên nước); *Đá non Dinh* (trên non Dinh-châu có thứ

đá xanh làm được cái khánh nhẹ như lông chim hồng). — *Gõ ngọc khua vàng* (đời Đường lấy thứ ngọc ở Lam-diễn làm khánh; đánh cái khánh người ta cho làm gõ ngọc khua vàng); *Kêu loan múa phụng* (xưa Dương-lữ đánh cái khánh ở nhà học, chim loan chim phụng bay tới, loan kêu và phụng múa). — *Chuông vàng bên kiệu, tiếng họa cảnh-canh* (trên kiệu vua hai bên có treo chuông khánh, khi kiệu đi thời chuông rung mà khánh cũng kêu cảnh-canh); *Mưỡng chính* (mẹ độc) *bờ tre, giá sò xa lắc* (bởi câu “chuông khánh cũng chẳng ăn ai, lọ là mưỡng chính ở ngoài bờ tre”, ý nói chuông khánh là đồ quý cũng chưa ăn thua gì, huống chi mưỡng chính là đồ bỏ vật).

TRỐNG

Chu treo (đời Chu treo trống trên cung vua); *Ân đặt* (đời Ân đặt trống trước cửa đền). — *Cò liêng* (đời Tùy trên chang trống chạm hình chim cò liêng); *Rồng quanh* (đời Đường xung-quanh trống vẽ hình con rồng quanh). — *Gỗ Dụ-chương* (đời Tần chặt gỗ ở Dụ-chương làm chang trống để đánh cho kêu). ; *Đồng Giao-chỉ* (đời Hậu-Hán, ông Mã-Viên qua đất Giao-chỉ, được một cái trống bằng đồng). — *Dùi cá gỗ* (ngày xưa người ở Ngô-quận được một cái trống bằng đá, đánh không nghe tiếng; ông Trương-hoa bảo lấy gỗ cây đồng đất Thục làm một cái dùi hình con cá, gõ thời tiếng kêu nghe xa); *Tiếng hạc kêu* (tục truyền ở quận Cối-kê, ngày xưa bỗng nhưng có chim hạc bạch bay vào trong một cái trống, khi đánh thời chim kêu, tiếng) nghe đến đất Lạc-dương). — *Hình vững không lay, non xanh dựng nóc* (ông Tống-cảnh làm bài phú khen hình cái yết-cờ vững-vàng như chót non xanh); *Tiếng đồn chẳng ngớt, mưa bạc gieo thêm* (bài phú yết-Cờ của ông Tống-cảnh tả cách đánh trống liên-thanh như giọt mưa bạc gieo luôn bên thêm nhà).

SINH.

Lắc-cắc (cái sinh thường làm bằng gỗ hoặc bằng tre, gõ thời kêu lắc-cắc); *lênh-xênh* (cái sinh-tiền tiếng kêu lênh-xênh). — *Một dây tiền* (cái sinh-tiền làm bằng gỗ mà trên mảnh gỗ có xâu một hàng tiền); *Hai mảnh gỗ* (các thứ sinh đều làm bằng hai mảnh gỗ mảnh âm và mảnh dương). — *Họa văn anh xâm* (hát xâm có dùng nhịp sinh); *Theo giọng ả đầu* (ả đầu ca lý thường dùng trong lay đời sinh).

PHÁCH

Mảnh sắt (đời Đường làm phách bằng sắt); *Gỗ dâu* (đời Tống làm phách bằng gỗ dâu). — *Dùng tai* (vua Đường Huyền-tôn hỏi phải hay của cái phách thời Hoàng-phiền-Xước tàu dùng tai nghe cho hợp điệu làm hay); *Thay mõ* (đời Tấn, Tống-Tiêm lấy tiếng phách thay tiếng mõ, dùng phách từ đó làm đầu). — *Quạt đào gió hầy* (ông Trần-Bạch-Sa làm bài thi khen tiếng cái phách hay làm cho trong quạt hoa đào sinh gió mát); *Lầu liễu trắng là* (bài thi vịnh cái phách của Trần-bạch-Sa khen tiếng phách hay làm cho đầu cành dương-liễu xé bóng trắng).

KÈN

Cuốn lá (người nước Liêu cuốn lá lau để làm kèn); *Đai cung* (đời Nguyên, trên cái kèn có buộc thêm cái cung phòng lúc ra đánh trận). — *Tiếng Hồ* (ông Lý-diên-Niên cho tiếng kèn là tiếng nhạc nước Hồ); *Tục rợ* (ông Lý-bá-Dương vào ở Tây-nhung làm ra cái kèn, sau người rợ tập nhau thổi quen thành tục). — *Sức miệng* (dùng miệng để thổi); *Tiếng môi* (dùng môi để huýt). — *Gió thổi giọng sầu* (thơ ông Đỗ-Mục nói tiếng kèn bị gió đưa nhiều giọng sầu oán); *Trăng soi lòng cũ* (đời Tấn, ông Lưu-Côn bị quân rợ Hồ vây lấy, nửa đêm ông nhìn bóng trăng lên lầu cao thổi kèn, quân giặc động lòng nhớ nhà, rủ nhau bỏ trốn về hết).

DỐC (tu và)

Vàng đúc (cái đốc ở nước Tây-nhung đúc bằng vàng); *Rồng leo* (đời Tấn, ông Hoàn-Huyền làm cái đốc hình con rồng leo). — *Thu buồn* (thơ ông Đỗ-Mục vịnh cái đốc vì thu mà sinh giọng buồn); *Đêm nhạt* (đời vua Hoàng-đế chế ra tiếng đốc để canh giữ ban đêm cho nghiêm nhạt). — *Ca liễu dưới suối* (người hái củi dùng tiếng đốc khi đi vào suối); *Tiếng mục bên non* (người chăn trâu bò cũng dùng tiếng đốc khi ở bên non).

CÒI

Uốn đất (còi nặn bằng đất mà nấu trong lò lửa); *Kêu thu* (tiếng còi kêu ra áo-não như tiếng mùa thu). — *Học kiều Tân-công* (đời Chu, Tân-công chế ra thức làm cái còi); *Họa vắn trong thi* (trong Mao-thi nói trong nhà anh em xưởng họa cùng nhau thổi anh thổi còi mà em thổi quyền).

Các thư sách của nhà biên-tập

ĐÃ XUẤT BẢN :

Am-thac	HỒ-ĐẮC-HÀM, ĐÌNH-XUÂN-HỘI
Kiểu-truyện dân-giải (sách giáo-khoa)	HỒ-ĐẮC-HÀM
Cung-oan ngâm-khúc dân-giải	ĐÌNH-XUÂN-HỘI
Quan Âm Thị-Kính truyện dân-giải	ĐÌNH-XUÂN-HỘI

Sắp xuất bản :

Văn-học	HỒ ĐẮC-HÀM, ĐÌNH-XUÂN-HỘI
Kiểu-truyện tập-văn	HỒ ĐẮC-HÀM
Phan-Trần truyện dân-giải	ĐÌNH-XUÂN-HỘI
Hoa-liên truyện dân-giải	ĐÌNH-XUÂN-HỘI

Như muốn hỏi mua sách, xin các anh em viết thư cho :

HỒ ĐẮC-HÀM

Sous le nom du Quốc-tử-giám Đuê



保大己巳秋

立
日

樂

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

丁 胡
春 得
會 誠

編
輯